

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

NGUYỄN THỊ THU HIỀN
NGUYỄN TRỌNG ĐẠI
Trường Đại học Hải Phòng

Nhận bài ngày 06/6/2026. Sửa chữa xong 20/7/2026. Duyệt đăng 22/7/2026.

Abstract

In the context of university autonomy and accelerating digital transformation, restructuring the governance of internal quality assurance (IQA) systems through digital technologies has become essential for building modern management models and supporting real-time, data-driven decision-making. This study adopts a case study approach at Hai Phong University, a higher education institution that has comprehensively implemented an internal quality assurance system. The findings provide practical evidence of the role of digital transformation in improving governance processes, enhancing operational efficiency, and strengthening quality assurance management. Based on the case analysis, the article proposes strategic solutions to address persistent limitations in IQA governance and promote sustainable digital transformation in higher education institutions.

Keywords: Internal quality assurance, digital transformation, higher education, digital governance, quality assurance governance.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục đại học Việt Nam đang trong bối cảnh chịu sự tác động kép đồng thời của cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm giải trình bằng minh chứng và xu hướng chuyển đổi số (CĐS) trên nền tảng phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghệ 4.0. Trong bối cảnh CĐS mạnh mẽ như hiện nay, các nghiên cứu gần đây cho thấy, khi dữ liệu trở thành nền tảng của ra quyết định, các mô hình đảm bảo chất lượng dựa trên báo cáo định kỳ và kiểm tra hậu kiểm bắt đầu bộc lộ giới hạn, cụ thể như là: không đủ nhanh, không đủ sâu và không đủ khả năng chuyển hóa thông tin thành hành động theo thời gian thực (Phạm Thị Tố Loan, 2023; Trịnh Thị Mỹ Hiền và c.s., 2024; Thu Nguyen và c.s., 2025). Mặc dù CĐS và đảm bảo chất lượng đều là những chủ đề được quan tâm rộng rãi nhưng sự kết nối giữa hai lĩnh vực này, đặc biệt dưới góc nhìn quản trị hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong (IQA) vẫn chưa được khai thác tương xứng. Các nghiên cứu hiện tại thường tách rời hai hướng tiếp cận này: hoặc tập trung vào công nghệ trong dạy học hoặc phân tích đảm bảo chất lượng như một cấu trúc quản lý truyền thống. Ứng dụng CĐS để tái cấu trúc mô hình IQA thành một hệ thống vận hành hiện đại, hiệu quả, đáp ứng bài toán quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực là một định hướng mang tính thời sự. Việc nghiên cứu trường hợp cụ thể tại Trường Đại học Hải Phòng, cơ sở giáo dục địa phương đã thực hiện tương đối toàn diện IQA sẽ góp phần làm sáng tỏ vấn đề này ở cơ chế vận hành - một điểm yếu vẫn tồn tại trong cấu trúc hệ thống IQA các trường đại học bấy lâu.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm nền tảng

- *Chuyển đổi số* (Digital Transformation) là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên nền tảng ứng dụng các công nghệ số (Verina, N. & Titko, J., 2019).

- *Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học* là "Tổng thể các cấu phần tổ chức,

Email: thuhien80dhhp@gmail.com

chính sách, quy trình, công cụ, nguồn lực và cơ chế vận hành... nhằm duy trì, thúc đẩy văn hóa chất lượng, bảo đảm cải tiến liên tục, công khai minh bạch thông tin và nâng cao trách nhiệm giải trình” (Theo Thông tư 20/2026/TT-BGDĐT (hiệu lực từ 15/5/2026).

- *Chuyển đổi số trong quản trị hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong*: Sự giao thoa giữa CĐS và IQA buộc hệ thống này phải dịch chuyển từ logic kiểm soát, báo cáo định kỳ sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu và ra quyết định theo thời gian thực (Trần Duy Lâm, 2023; Tạ Thị Thu Hiền, Phạm Thị Hương, 2024). Do đó, CĐS trong quản trị hệ thống IQA đại học bản chất là quá trình tái cấu trúc toàn diện, tích hợp công nghệ và dữ liệu số để chuyển từ mô hình “dựa trên thủ tục” sang “dựa trên dữ liệu và phản hồi liên tục”.

2.2. Cơ sở lý luận

2.2.1. Đặc điểm cơ bản của chuyển đổi số trong quản trị hệ thống IQA tại cơ sở giáo dục đại học

Trong CĐS, khi thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý dữ liệu thay đổi về chất thì logic của IQA cũng thay đổi về cách vận hành hệ thống đó. Có thể nhận diện các đặc trưng của CĐS trong IQA không phải như những yếu tố riêng lẻ mà là những chuyển dịch liên kết với nhau. Thông tin chuyển từ dạng tĩnh sang dòng dữ liệu liên tục; hệ thống chuyển từ tổ chức phân mảnh sang liên kết theo dòng thông tin; quyết định chuyển từ dựa trên kinh nghiệm sang dựa trên bằng chứng có thể kiểm chứng; và nhịp độ vận hành chuyển từ chu kỳ sang gần thời gian thực (Đinh Thành Việt và c.s., 2023). Tuy nhiên, điểm then chốt và cũng là điểm mà nhiều nghiên cứu chưa đi tới nằm ở khả năng hệ thống tự điều chỉnh dựa trên các phản hồi này. Nguyên lý cải tiến liên tục trong hệ thống quản lý chất lượng đã được nêu trong phiên bản ISO 21001:2018 và đến phiên bản ISO 21001:2025 vẫn tiếp tục phát triển nguyên lý này. Nguyên lý trên đã cung cấp một nền tảng quan trọng khi nhấn mạnh cải tiến không chỉ là tối ưu hóa quy trình mà còn bao gồm khả năng điều chỉnh cách hệ thống được cấu trúc và vận hành (ISO, 2018, 2025).

2.2.2. Các thành tố cơ bản của chuyển đổi số trong quản trị hệ thống IQA tại cơ sở giáo dục đại học

Trong bối cảnh các đại học địa phương đối mặt với hạn chế về hạ tầng, năng lực quản trị, chính sách và văn hóa số (Uoc Tran Mai, 2023), một hệ thống IQA số hóa hiệu quả phải được cấu thành từ 5 yếu tố liên kết chặt chẽ với nhau như sau: 1) Dữ liệu bảo đảm chất lượng số: Là nền tảng cốt lõi; yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng phải được số hóa, liên thông và cập nhật theo thời gian thực để sẵn sàng truy xuất; 2) Hạ tầng công nghệ và phần mềm quản trị: Là điều kiện vận hành; giá trị không nằm ở số lượng phần mềm mà ở mức độ tích hợp dữ liệu tập trung, tạo chu trình quản trị khép kín; 3) Con người và năng lực số: Là yếu tố quyết định; cần dịch chuyển từ tư duy “điện tử hóa hồ sơ” đối phó sang năng lực khai thác dữ liệu và tư duy quản trị chiến lược; 4) Cơ chế quản trị và chính sách nội bộ: Là hành lang pháp lý; định hình rõ quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu số để bảo đảm tính khả thi; 5) Văn hóa chất lượng số: Là yếu tố bền vững; biến việc sử dụng dữ liệu thành thói quen thường xuyên để cải tiến liên tục, phân định rõ số hóa quy trình với CĐS thực chất.

5 thành tố này tạo thành một cấu trúc thống nhất; sự thiếu hụt bất kỳ yếu tố nào cũng sẽ làm suy giảm hiệu quả toàn bộ hệ thống quản trị IQA.

2.3. Thực trạng chuyển đổi số trong quản trị hệ thống IQA tại Trường Đại học Hải Phòng

Từ hệ thống cơ sở lý luận trên cho thấy để nắm bắt được thực trạng công tác CĐS trong quản trị IQA tại Trường Đại học Hải Phòng, chúng tôi xem xét cụ thể ở các phương diện sau:

2.3.1. Nền tảng dữ liệu và hệ thống công nghệ số phục vụ bảo đảm chất lượng

Tại Trường Đại học Hải Phòng, những năm gần đây đã có những bước tiến nhất định trong việc ứng dụng công nghệ số vào công tác quản trị nói chung và hỗ trợ hoạt động đảm bảo chất lượng nói riêng thông qua các hệ thống quản trị đại học (<https://qtdh.dhhp.edu.vn>, <https://dhhp.edu.vn/>), quản lý đào tạo (<https://dhhp.vn>), thư viện (<https://lib.dhhp.edu.vn>, <https://dlib.dhhp.edu.vn/>), quản lý văn bản (dùng chung hệ thống của thành phố, <https://qlvb.hpnet.vn>), giao nhiệm vụ và tiếp nhận nhiệm vụ (<https://office.dhhp.edu.vn>) và công cụ khảo sát trực tuyến (CITADT, 2026). Tuy nhiên, thực tế vận hành cho thấy các hệ thống này chủ yếu phát triển theo từng chức năng riêng lẻ, thiếu tích hợp và liên

thông. Sự “phân mảnh dữ liệu” này trở thành rào cản lớn, làm suy giảm khả năng khai thác thông tin tổng thể phục vụ cho công tác quản trị chất lượng.

2.3.2. Năng lực khai thác và ứng dụng công nghệ số của đội ngũ cán bộ, giảng viên

Thực trạng tại Trường Đại học Hải Phòng hiện nay phản ánh đặc trưng của các đại học địa phương: đội ngũ dù thích nghi tốt với việc dạy học và xử lý tác vụ trên nền tảng số nhưng việc khai thác dữ liệu để phân tích, dự báo và điều chỉnh chất lượng vẫn hạn chế. Công nghệ mới mới chỉ làm thay đổi cách thức thực hiện công việc (số hóa quy trình) chứ chưa thay đổi được tư duy quản trị và ra quyết định trong vận hành hệ thống IQA.

2.3.3. Cơ chế quản trị, chính sách điều hành chất lượng dựa trên dữ liệu và minh chứng số

Trường Đại học Hải Phòng đã rất tích cực triển khai các biện pháp hoàn thiện về cơ cấu, chính sách trong điều hành CĐS. Trường đã thành lập Ban Chỉ đạo CĐS và hoạch định kiến trúc Đại học số tổng thể đến năm 2030 tầm nhìn 2045 (Trường Đại học Hải Phòng, 2025). Tuy nhiên, đây mới là các giải pháp ứng dụng công nghệ riêng lẻ, chưa mang tính tổng thể cho hệ thống quản trị IQA. Hoạt động kiểm soát chất lượng vẫn đi sau thực tế (phát hiện sai lệch sau khi xảy ra) thay vì dự báo và can thiệp sớm. Đáng chú ý, cơ chế phản hồi chưa đủ mạnh để tạo cải tiến thực chất: kết quả khảo sát từ các bên liên quan chủ yếu dừng ở mức ghi nhận cục bộ, chưa thể chuyển hóa thành các thay đổi mang tầm chính sách hay cơ chế vận hành (Trường Đại học Hải Phòng, 2026). Thực trạng này phản ánh hệ thống dù đã có dữ liệu và phản hồi nhưng vẫn thiếu hụt năng lực cốt lõi: “cải tiến từ dữ liệu”.

2.3.4. Phát triển văn hóa chất lượng số

Thực trạng tại Trường Đại học Hải Phòng cho thấy quá trình CĐS đã bước đầu tạo ra môi trường làm việc và quản lý trên nền tảng số nhưng sự liên kết giữa công nghệ và văn hóa chất lượng vẫn chưa thật sự rõ nét. Điểm hạn chế lớn nhất nằm ở chỗ văn hóa đảm bảo chất lượng chưa thực sự chuyển hóa thành chu trình cải tiến diễn ra thường xuyên trên nền tảng số, chưa có một hệ thống quản trị nhắc hạn cập nhật dữ liệu, tự động theo dõi khuyến nghị sau kiểm định bằng workflow online hay cảnh báo chất lượng, theo dõi tiến độ cải tiến realtime và tự động hóa quy trình bảo đảm chất lượng. Thách thức của nhà trường hiện nay không chỉ là mở rộng thêm công cụ số mà là làm cho hệ sinh thái công nghệ số trở thành không gian vận hành tự nhiên của văn hóa chất lượng.

2.3.5. Đánh giá chung

Từ bức tranh thực trạng tổng quát trên, có thể thấy Trường Đại học Hải Phòng đã vào cuộc một cách quyết liệt, hướng đến mục tiêu xây dựng trường đại học số vào năm 2030, định hướng đến năm 2045. Trong đó cần ghi nhận:

a. Những kết quả đã đạt được: Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn (1-2 năm gần đây), nhà trường đã xây dựng được hệ thống quản trị và dữ liệu số tương đối cơ bản đáp ứng được hầu hết các phương diện hoạt động khác nhau. Đội ngũ thành thạo ứng dụng công nghệ số trong thực hiện nhiệm vụ. Nhờ có sự thống nhất, tập trung trong ý chí, tư tưởng chỉ đạo của lãnh đạo mà Trường Đại học Hải Phòng đã triển khai đồng bộ các biện pháp hoàn thiện về cơ cấu, chính sách trong điều hành CĐS. Có thể nói những thành tựu đã đạt được chính là nền tảng cơ sở đảm bảo để nhà trường vận hành hệ thống quản trị IQA số. Bên cạnh những kết quả rất đáng được ghi nhận, CĐS trong quản trị hệ thống IQA của nhà trường cũng tồn tại những vướng mắc.

b. Hạn chế còn tồn tại: Tất cả những hệ thống quản trị công nghệ số nhà trường đang xây dựng đều xuất phát từ việc thực hiện các chức năng nghiệp vụ riêng biệt. Điều này dẫn đến sự thiếu liên thông, liên kết, thiếu một ngôn ngữ chung trong điều hành tổng thể các hệ thống quản trị. Vẫn còn tình trạng dữ liệu số chưa thống nhất, chưa đồng bộ, còn nằm phân mảnh, rải rác và riêng lẻ trong những “ốc đảo tự thân” của từng hệ thống quản trị riêng biệt. Qua nghiên cứu, phân tích và tổng hợp từ cơ sở lý luận cho đến thực tế cho thấy những hạn chế còn tồn tại nêu trên của Trường Đại học Hải Phòng đều xuất phát từ một số nguyên nhân cơ bản.

c. Nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại: Trên cơ sở tổng hợp các kết luận, Kế hoạch triển khai công

tác CDS, công tác bảo đảm chất lượng của nhà trường cũng như quan sát thực trạng và tham vấn chuyên gia trong nhà trường, có thể nhận thấy công tác CDS trong quản trị hệ thống IQA tại Trường Đại học Hải Phòng vẫn còn đang gặp phải nhiều điểm tồn tại là do những nhóm nguyên nhân cơ bản như sau: Thứ nhất là thuộc về nguồn nhân lực: bao gồm tư duy quản trị CDS, năng lực khai thác và ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong công tác. Thứ hai là thuộc về nguồn dữ liệu số và hệ thống công nghệ số đảm bảo chức năng quản trị hệ thống IQA đáp ứng nhu cầu biến động về những giá trị của CDS mang lại. Thứ ba là cơ cấu vận hành hệ thống IQA cải tiến, thường xuyên, liên tục theo nguồn dữ liệu, minh chứng thời gian thực.

Đây chính là cơ sở thực tiễn để nghiên cứu đề xuất các nhóm giải pháp khắc phục cụ thể ở phần tiếp theo.

2.4. Giải pháp đề xuất

2.4.1. Đầu tư các nguồn lực cần thiết cho hệ thống quản trị chất lượng số

Giải pháp này nhằm hướng tới trang bị các nguồn lực thiết yếu từ cơ sở vật chất hạ tầng, trang thiết bị công nghệ, các phần mềm hệ thống quản trị đến nguồn nhân lực về tư duy và năng lực quản trị, khai thác CDS. Đây là nhóm giải pháp được đặt lên hàng đầu và tập trung vào 02 nội dung chính: 1) Tăng cường các buổi học tập, sinh hoạt chuyên đề, seminar các cấp với nhiều hình thức nhằm tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng các nội dung để nâng cao nhận thức, tư duy; năng lực ứng dụng và khai thác số trong đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ chuyên trách về IQA của nhà trường; 2) Tối ưu hóa đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ số bao gồm: - Hạ tầng phần cứng và mạng kết nối: Internet, wifi băng thông rộng, tốc độ cao phủ sóng toàn trường; mô hình Hybrid Cloud (kết hợp máy chủ vật lý tại trường cho các dữ liệu nhạy cảm và đám mây Google Cloud cho các dịch vụ trực tuyến); cho tới hệ thống máy tính, phòng lab, máy chiếu, màn hình tương tác, và hệ thống camera an ninh AI giám sát toàn trường; - Hạ tầng phần mềm và các nền tảng số (Software & Platforms): Hệ thống quản lý đại học tổng thể; Hệ thống quản lý học tập (LMS); Cổng thông tin sinh viên & giảng viên (Portal); Thư viện số (Digital Library); - Hệ thống an toàn thông tin và bảo mật (Cybersecurity): + Bảo mật mạng: Hệ thống tường lửa (Firewall), hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập (IDS/IPS); + Quản lý danh danh (IAM): Hệ thống đăng nhập một lần (Single Sign-On - SSO) giúp sinh viên và cán bộ chỉ cần một tài khoản duy nhất để truy cập tất cả các dịch vụ (Email, LMS, Portal); + Hệ thống sao lưu dữ liệu (Backup): Đảm bảo dữ liệu được backup tự động định kỳ để phòng ngừa sự cố hoặc tấn công mã hóa dữ liệu (Ransomware); - Hạ tầng dữ liệu và Trung tâm điều hành (Data & Analytics): + Trục tích hợp dữ liệu (ESB): Giúp các phần mềm khác nhau (như quản lý điểm và quản lý học phí) có thể liên thông và đồng bộ dữ liệu với nhau một cách tự động; + Trung tâm điều hành thông minh (IOC): Thu thập dữ liệu trực quan (Dashboard) về tình hình tài chính, tỷ lệ sinh viên đi học, hiệu suất sử dụng phòng học... giúp Ban giám hiệu đưa ra các quyết định quản lý chính xác và kịp thời.

2.4.2. Xây dựng hệ thống dữ liệu, chính sách, quy trình số tạo nền tảng cơ sở cho hệ thống quản trị chất lượng số

Đây là nhóm giải pháp huyết mạch nhằm chuyển đổi toàn bộ các thao tác, quy trình quản trị hành chính bằng văn bản giấy tờ sang hệ thống quản trị hiện đại trong hệ sinh thái số. Giải pháp này tập trung xây dựng toàn bộ nền tảng dữ liệu, minh chứng số đảm bảo theo hai nguyên tắc sau: - *Nguyên tắc thứ nhất*, dữ liệu, minh chứng số tuân thủ theo những quy định, quy trình số thống nhất đảm bảo tính liên thông trong nhà trường; đảm bảo đạt đủ các tiêu chuẩn quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đại học hiện hành; là cơ sở trung thực để nhà trường cải thiện hoạt động và nâng cao chất lượng thường xuyên, liên tục; - *Nguyên tắc thứ hai*, dữ liệu, minh chứng số được phân cấp trách nhiệm theo các mức độ khác nhau về vai trò, trách nhiệm giải quyết, phân tích, ra quyết định quản lý và tái cấu trúc hệ thống quản trị từ dữ liệu mới. Để tiến hành giải pháp này, nhà trường cần thiết lập cơ cấu tổ chức hệ thống trách nhiệm, xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân trong hệ thống bảo đảm chất lượng số ở 4 mức độ với trình tự liên đới như sau trong hệ thống quản trị chất lượng IQA số: + *Mức độ 1*: dành cho các cá nhân, giáo viên, chuyên viên trực tiếp giải quyết vấn đề từ các bộ phận chuyên môn. Họ sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm tạo lập và cập nhật thường xuyên dữ liệu số theo biến

động thực tế; + *Mức độ 2*: dành cho đội ngũ lãnh đạo cấp trung tại các đơn vị trực thuộc của nhà trường. Họ tiếp tục điều hành bảo đảm chất lượng theo đúng chức năng, nhiệm vụ chuyên môn được giao trên cơ sở dữ liệu số biến động đạt ngưỡng báo động chất lượng; + *Mức độ 3*: dành cho lãnh đạo cấp cao tại đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp ban hành quyết định thực thi và kiểm soát thực thi các quyết định bảo đảm chất lượng được điều hành tại đơn vị theo chính sách, quy trình hiện hành; chịu trách nhiệm báo cáo về vấn đề cần điều chỉnh với lãnh đạo nhà trường; + *Mức độ 4*: dành cho đội ngũ lãnh đạo nhà trường, chịu trách nhiệm đánh giá, phân tích phản hồi và tái cấu trúc mô hình bảo đảm chất lượng theo yêu cầu từ thông số dữ liệu mới.

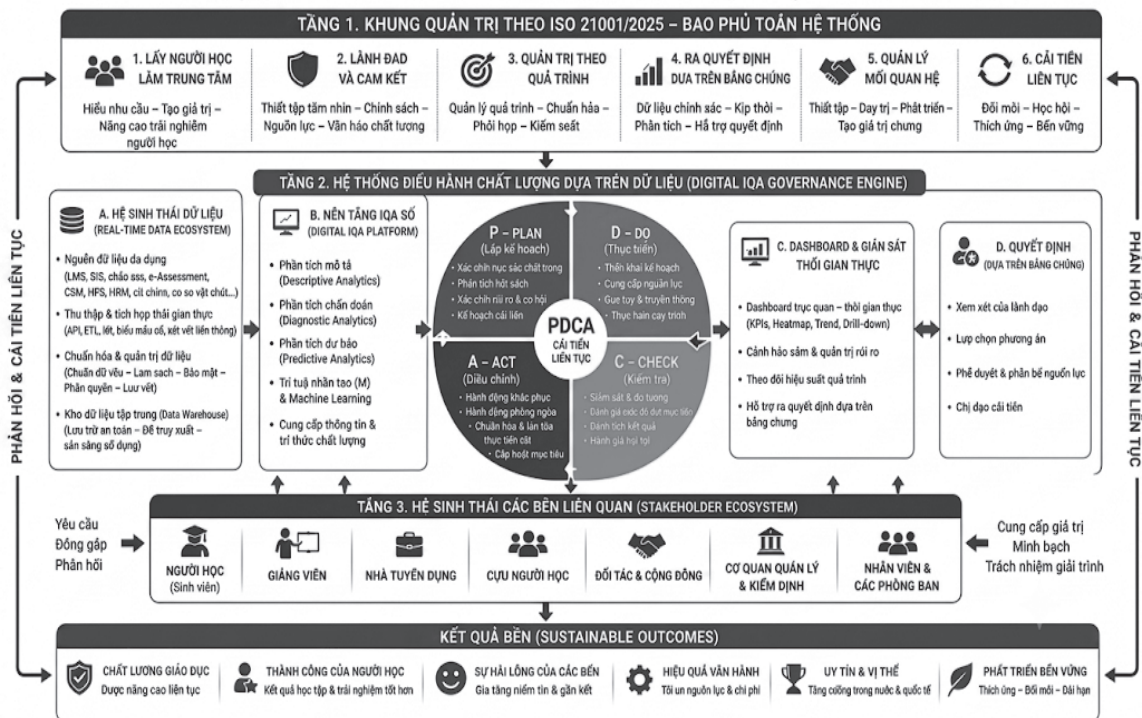
2.4.3. Xây dựng mô hình hệ thống quản trị IQA số đảm bảo cơ chế vận hành trên dữ liệu theo thời gian thực và cải tiến liên tục

Đây là giải pháp mang tính chiến lược để đảm bảo cơ chế vận hành hệ thống quản trị chất lượng IQA số dựa trên dữ liệu thời gian thực và cải tiến liên tục. Mô hình hệ thống quản trị IQA số tại Trường Đại học Hải Phòng được xây dựng trên quan điểm coi chất lượng không phải là kết quả của hoạt động kiểm tra cuối cùng mà là kết quả của một hệ thống quản trị được vận hành liên tục trên nền tảng dữ liệu số. Mô hình được thiết kế theo kiến trúc quản trị số tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa dữ liệu, công nghệ, quản trị, các bên liên quan và kết quả chất lượng trong một chu trình vận hành thống nhất khép kín nhằm tạo lập chu trình cải tiến liên tục dựa trên dữ liệu theo thời gian thực. Mô hình tại Trường Đại học Hải Phòng được cấu trúc theo 3 tầng lõi:

Sơ đồ: Mô hình Quản trị hệ thống IQA số tại Trường Đại học Hải Phòng

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ HỆ THỐNG IQA SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG

Tích hợp ISO 21001:2025 và chu trình PDCA, vận hành trên dữ liệu thời gian thực, cải tiến liên tục



Tầng 1 - Khung quản trị nền tảng (ISO 21001:2025): Đóng vai trò bao phủ toàn hệ thống; tích hợp 6 nguyên tắc cốt lõi của ISO vào mọi quy trình nhằm bảo đảm tính chuẩn hóa, minh bạch và trách nhiệm giải trình theo chuẩn quốc tế.

Tầng 2 - Trung tâm điều hành chất lượng số với: + Động cơ vận hành là chu trình PDCA đặt tại trung tâm nhưng được kích hoạt liên tục bằng dữ liệu thời gian thực (realtime) từ hệ sinh thái số, thay vì vận

hành theo chu kỳ học kỳ/năm học truyền thống; + Bên cạnh đó, công cụ hỗ trợ Dashboard giúp giám sát trực quan tách biệt với quy trình Quyết định quản trị, đóng vai trò cảnh báo sớm, phân tích xu hướng và cung cấp bằng chứng để lãnh đạo tối ưu hóa nguồn lực.

Tầng 3 - Hệ sinh thái các bên liên quan: Chuyển dịch vai trò của người học, giảng viên, nhà tuyển dụng từ “đối tượng đánh giá” sang chủ thể đồng kiến tạo giá trị (co-creation of value), vừa cung cấp dữ liệu đầu vào vừa thụ hưởng kết quả đầu ra.

Như vậy, giá trị cốt lõi của mô hình không nằm ở việc số hóa các quy trình bảo đảm chất lượng, mà ở việc thiết lập một kiến trúc quản trị chất lượng số dựa trên dữ liệu thời gian thực, trong đó ISO 21001:2025 đóng vai trò khung quản trị, PDCA là động cơ cải tiến, nền tảng IQA số là hạ tầng công nghệ, Dashboard là trung tâm điều hành và hỗ trợ ra quyết định còn hệ sinh thái các bên liên quan tạo nên vòng phản hồi liên tục. Sự tích hợp này hình thành một hệ thống IQA số có khả năng tự giám sát, tự điều chỉnh và tự cải tiến, đáp ứng yêu cầu quản trị đại học trong bối cảnh CDS và hội nhập quốc tế.

3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy điểm nghẽn của hệ thống IQA tại Trường Đại học Hải Phòng không nằm ở thiếu quy trình mà ở cơ chế vận hành chưa đủ hiệu quả để liên kết các thành phần thành một chu trình cải tiến liên tục. Trên cơ sở phân tích những điểm nghẽn cốt lõi, bài báo đề xuất hệ thống giải pháp theo hướng hoàn thiện cơ chế vận hành thông qua tăng cường liên kết, quản trị dựa trên dữ liệu và nội tại hóa yêu cầu cải tiến liên tục theo biến động dữ liệu thời gian thực. Những giải pháp mang tính đồng bộ này được kỳ vọng sẽ tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ, giúp nhà trường tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao văn hóa chất lượng một cách bền vững. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cách tiếp cận mới về quản trị hệ thống bảo đảm chất lượng từ góc độ cơ chế vận hành mà còn cung cấp cơ sở thực tiễn giá trị để nâng cao hiệu quả quản trị tại Trường Đại học Hải Phòng. Đồng thời, đây cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ sở giáo dục đại học có điều kiện tương đồng trong xu thế tự chủ. Cuối cùng, nghiên cứu mở ra hướng đi mới về việc ứng dụng công nghệ số trong giám sát chất lượng giáo dục theo thời gian thực.

Tài liệu tham khảo

- CITADT (2026). *Số liệu báo cáo tháng 5/2026*. Trung tâm Ứng dụng Công nghệ và Chuyển đổi số, Trường Đại học Hải Phòng (CITADT).
- Đinh Thành Việt, Nguyễn Thị Hùng, Hoàng Tú Anh (2023). Ra quyết định dựa trên dữ liệu, cơ chế đảm bảo chất lượng trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 228(12), 230-238. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8380>.
- International Organization for Standardization (2018, 2025). *ISO 21001:2025*. <https://www.iso.org/standard/21001>.
- Pham, T. T. L. (2023). Digital transformation in global higher education: A review of literature and implications for Vietnamese universities. *Dong Thap University Journal of Science*, 12(7), 3-11. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.7.2023.1134>.
- Tạ Thị Thu Hiền, Phạm Thị Hương (2024). Các công cụ và quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ (IQA) được các trường đại học Việt Nam sử dụng: Ý nghĩa đối với cải tiến liên tục. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 8(2), 138-151. <https://doi.org/10.52296/vje.2024.391>.
- Trần Duy Lâm (2023). *Thời đại chuyển đổi số và yêu cầu đổi mới trong giáo dục đại học hiện nay*. <https://tapchicongthuong.vn/thoi-dai-chuyen-doi-so-va-yeu-cau-doi-moi-trong-giao-duc-dai-hoc-hien-nay-108278.htm>, ngày 09/8/2023.
- Thu Nguyen, Hong-Tri Nguyen, Nguyen-Hoang, & Tu-Anh. (2025). Data quality management in big data: Strategies, tools, and educational implications. *Journal of Parallel and Distributed Computing*, 200, 105067. <https://doi.org/10.1016/j.jpdc.2025.105067>.
- Trịnh Thị Mỹ Hiền, Lê Thị Phương, Nguyễn Hoàng Hy, Bùi Thị Hương Giang, Huỳnh Tuấn Anh, Nguyễn Đình Hiến (2024). Xây dựng hệ hỗ trợ quyết định dựa trên phương pháp tiếp cận hướng dữ liệu để nâng cao chất lượng giảng dạy. *Journal of Technical Education Science*, 19(04), 90-102. <https://doi.org/10.54644/jte.2024.1542>.
- Trường Đại học Hải Phòng (2025). *Thông báo số 23/TB-ĐHHP, ngày 6/1/2025 về Kết luận của Hiệu trưởng tại cuộc họp Ban Chỉ đạo chuyển đổi số đánh giá Bộ chỉ số, Tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học năm 2024 của Trường Đại học Hải Phòng*.
- Trường Đại học Hải Phòng (2026). *Kết luận cuộc họp Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan học kỳ II năm học 2025-2026 của Trường Đại học Hải Phòng, ngày 28/3/2026*.
- Uoc Tran Mai (2023). Digital transformation in higher education in Vietnam today. *Revista de Gestão e Secretariado*, 14(8), 14582-14599. <https://doi.org/10.7769/gesec.v14i8.2699>.
- Verina, N., & Titko, J. (2019). *Digital transformation: Conceptual framework*. Proceedings of the 6th International Scientific Conference Contemporary Issues in Business, Management and Economics Engineering.